| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:06/2023/DS-PT
Ngày 29-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lại Văn Tùng

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***-Thư ký phiên tòa*:**Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:**

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLPT-DS ngày 20-10-2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 11năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Xóm 8, xã N, huyện T, tỉnh B;

- *Bị đơn:*Chị Trần Thị H1, sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: Xóm B (xóm 13 cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Xóm T (xóm 9 cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

Tại phiên toà phúc thẩm: Có mặt chị Nguyễn Thị H, chị Trần Thị H1.

**NỘI DUNG VỤÁN:**

* Tại đơn khởi kiện ngày 21-02-2023, bản tự khai ngày 05-4-2023và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên chị Nguyễn Thị H đã cho chị Trần Thị H1 vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10-9-2021 và có hẹn ngày trả là 10-5-2022, lãi xuất là 1% (2.000.000 đồng)/tháng. Đến hạn chị H đã đòi chị H1 nhiều lần nhưng chị H1 không trả. Việc chị H cho chị H1 vay tiền đó là tiền riêng của chị H, không liên quan gì đến chồng chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H1 phải trả chị số tiền 200.000.000 đồng đã vay của chị, chị H không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 21-3-2023 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị đơn là chị Trần Thị H1 trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng xa nên vào năm 2021 khi chị H muốn bán bãi vật liệu ở xã N, huyện T, tỉnh B thì vợ chồng chị H1 đã đứng lên mua bãi vật liệu này. Chị H1 là người đứng lên để mua, giá thỏa thuận khi mua là 2.200.000.000 đồng. Nhưng chị H nói với chị H1 là nói dối với chồng chị H là 2.500.000.000 đồng. Sau đó chị H1 có đặt cọc cho vợ chồng chị H 400.000.000 đồng, trong đó có 200.000.000 đồng là tiền chị H dấu chồng để đưa cho chị H1 bù vào cái khoản mà chị H nhờ chị nói dối chồng để làm tiền đặt cọc. Sau đó thì hợp đồng mua bán không thành công và giữa hai bên chuyển sang thuê bãi vật liệu, hai bên ký hợp đồng thuê 1 năm, giá thuê là 22.000.000 đồng/tháng và hợp đồng thuê ký vào khoảng tháng 7 năm 2021. Số tiền 400.000.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng là tiền chị H đưa) thì chị H đã giữ lại làm tiền đặt cọc thuê bãi. Khi thuê được khoảng 02 tháng thì vợ chồng chị H mượn lại hợp đồng thuê nói là điền thêm số chứng minh nhân dân, sau đó chồng chị H cầm và chị H xé nát luôn bản hợp đồng thuê ra. Sau đó thì chị H đã ép chị ký vào giấy vay nợ ngày 10-9-2021, chị đã ký vào giấy vay nợ vay 200.000.000 đồng và chị H đã lấy thỏi son ra bắt chị điểm chỉ vào. Thực tế chị H1 không vay và việc này không liên quan gì đến chồng chị H1 vì khi đó dịch covid nên chỉ có một mình chị H1 ở bên tỉnh B, vợ chồng chị H ép nên chị H1 mới phải ký và điểm chỉ vào giấy vay nợ đó. Chồng chị H1 không liên quan và không biết gì đến việc vay mượn này. Chị H1 cũng đã làm đơn tố cáo chị H đến Công an huyện T.Ngày 23-8-2022 Công an huyện T, tỉnh B đã trả lời chị H1 rằng không có dấu hiệu hình sự. Vụ việc giữa chị H1 và chị H xảy ra trên địa bàn tỉnh B, vậy nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý là không đúng. Tòa án giải quyết theo nơi bị đơn cư trú là không đúng.

* Tại biên bản xác minh ngày 12-7-2023 Công an xã H cung cấp: Chị Trần Thị H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm B (Xóm 13 cũ) xã H, nhưng hiện tại chị H1 đang ở xóm T (Xóm 9 cũ), xã H.

* Tại công văn số: 178/CV-CQĐT ngày 15-7-2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh B, trả lời công văn số: 436 ngày 30-6-2023 của Toà án nhân dân huyện G như sau:Ngày 11-11-2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm theo kiến nghị số 21 ngày 06-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B đối với đơn tố cáo của chị Trần Thị H1, sinh năm 1979, trú tại xóm 9, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định tố cáo chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B trong đó có hành vi chị H dùng vũ lực ép buộc chị H1 phải viết và ký vào giấy nhận nợ khống 200.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Ngày 09-6-2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định.Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Buộc chị Trần Thị H1 trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là:200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáovà biện pháp thi hành án.

* Ngày 13-9-2023chị Trần Thị H1là bị đơntrong vụ án có đơn kháng cáotoàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do:Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31-8-2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên toà phúc thẩmchị Trần Thị H1vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị H1, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của chị Trần Thị H1về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31-8-2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của chị Trần Thị H1làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sựnăm 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện G như Toà án cấp sơ thẩm đã xác định là đúng pháp luật.

[3] Xétvề quan hệ vay tài sản: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định giữa chị Trần Thị H1với chị Nguyễn Thị H có việc vay tiền. Thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản được xác định là ngày 10-9-2021chị Trần Thị H1 có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 10-5-2022, lãi xuất là 1% (2.000.000 đồng/tháng), đến hạn trả nợ chị H1 không trả tiền cho chị H. Sau nhiều lần đòi, do chị H1 không trả nên chịHồng đã khởi kiện yêu cầu chị H1 phải trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng đã vay, lãi chị H không yêu cầu chị H1 phải thanh toán. Vì vậy, xác định Hợp đồng cho vay tài sản giữa chị H và chị H1 là Hợp đồng cho vay tài sản có xác định thời hạn. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị H1 thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng; chị H1 cho rằng chị không vay nợ số tiền 200.000.000 đồng của chị H, chị H1 bịchị H đã ép ký vào giấy vay nợ ngày 10-9-2021lãi suất 2.000.000 đồng/tháng và chị H đã lấy thỏi son ra bắt chị điểm chỉ vào, việc này không liên

quan gì đến chồng chị H1 vì khi đó dịch covid nên chỉ có một mình chị H1 ở bên tỉnh B, số tiền này là tiền đặt cọc thuê bãi vật liệu của vợ chồng chị H, nhưng số tiền này lại là tiền chị H đưa cho chị H1200.000.000 đồngnên chị H1 không đồng ý trả nợ số tiền này cho chị H.

[4] Xét về hình thức và nội dung của giấy biên nhận đề ngày 10-9-2021 thể hiện rõ là hợp đồng vay tài sản (vay tiền) có thời hạn và có lãi giữa chị H là người cho vay và chị H1 là người vay không thể nói rằng giao dịch này che đậy một giao dịch khác được, do vậy đây là một giao dịch dân sự độc lập. Nếu có tranh chấp với nhau về quan hệ dân sự khác (thuê bãi vật liệu…) và có khởi kiện thì Toà án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị Trần Thị H1 cũng đã làm đơn tố cáo chị H đến Công an huyện T và vào ngày 23-8-2022 Công an huyện T, tỉnh B đã trả lời chị H1 rằng không có dấu hiệu hình sự; Tại công văn số: 178/CV-CQĐT ngày 15-7-2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh B, trả lời công văn số: 436 ngày 30-6-2023 của Toà án nhân dân huyện G như sau:Ngày 11-11-2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm theo kiến nghị số 21 ngày 06-11-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B đối với đơn tố cáo của chị Trần Thị H1 ở xóm 9, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định tố cáo chị Nguyễn Thị H ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh B trong đó có hành vi chị H dùng vũ lực ép buộc chị H1 phải viết và ký vào giấy nhận nợ khống 200.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Ngày 09-6-2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên.Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Trần Thị H1 phải trả chochị Nguyễn Thị H số tiền vay gốclà 200.000.000 đồng phù hợp theo quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sựlà có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị H1 cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của chị H1 là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của chị H1 không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Trần Thị H1 không được chấp nhận nên cần buộc chị H1 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền chị H1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000587 ngày 20-9-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Nam Định sẽ được đối trừ vào số tiền án phí phúc thẩm chị H1 phải nộp.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo củachị Trần Thị H1. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26;Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Trần Thị H1 phải nộp số tiền 300.000đ, nhưng được đối trừ vào số tiền chị H1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai số 0000587 ngày 20-9-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Nam Định. Chị H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyệnG;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Văn Tùng**